

Bản án số: 110/2017/DS-PT
Ngày: 20-7-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2015/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2015 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2014/DS-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1934.

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ thường trú: Đường B, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2012) Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Khắc Toàn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Quang T, sinh năm 1964.

Địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Địa chỉ thường trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2015) Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn Chung – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. *NLQ1*, sinh năm 1969;

2. *NLQ2*, sinh năm 1992;

3. *NLQ3*, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. *NLQ4*, sinh năm 1959;

Địa chỉ thường trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ thường trú: Đường B, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2012; 4/5/2015; 9/6/2015) Có mặt.

5. *NLQ5*, sinh năm 1983;

6. *NLQ6*, sinh năm 1966;

7. *NLQ7*, sinh năm 1989;

Địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của NLQ5, NLQ6, NLQ7: NLQ8, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2012).

8. *NLQ8*, sinh năm 1968;

9. *NLQ9*, sinh năm 1969;

Địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10. *NLQ10*, sinh năm 1933 (chết ngày 20/02/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ10:

10.1. Ông Ngô Tòng L, sinh năm 1959;

Địa chỉ thường trú: Số 36 Phan Bội Châu, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

10.2. Ông Ngô Phước L, sinh năm 1954;

Địa chỉ thường trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Phước L, ông Ngô Tòng L: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ thường trú: Đường B, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 6/3/2017; 8/3/2017) Có mặt.

11. NLQ11.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Quang T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2014 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Giang Minh C trình bày: Vào năm 1941 bà Huỳnh Thị T là mẹ của bà Lâm Thị Đ (bà ngoại của bà Nguyễn Thị L) có mua của ông Kim R diện tích 0,52 (5.200m²) đất thổ trạch; Năm 1969 bà Huỳnh Thị T chết thì bà Lâm Thị Đ được thừa hưởng diện tích đất này và thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/9/1996 bà Lâm Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại thửa đất này, ông Võ Quang T đã lấn chiếm cát nhà ở diện tích 89,4m² khoảng năm 1969 đến nay. Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ông Võ Quang T trả lại diện tích đất 89,4m² nằm một phần trong diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T. Trường hợp gia đình ông Võ Quang T và NLQ8 đã xây dựng nhà cơ bản và không còn chỗ ở nào khác thì yêu cầu hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Theo lời khai của bà NLQ8 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Võ Quang T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ai NLQ8 không biết, đất đó trước đây bà ngoại NLQ8 tên bà Lý Thị S sống trên đất vào năm 1953. Sau khi bà Lý Thị S chết để lại đất cho mẹ NLQ8 là bà Thái Thị Đ sử dụng, theo NLQ8 biết lúc NLQ8 và ông Võ Quang T sinh ra đã ở trên đất này. Vào năm 1990 ông Võ Quang T lấy vợ và về sống bên vợ, để đất lại cho NLQ8 và chồng là NLQ9 và 02 đứa con (dưới 15 tuổi) đang ở và cất nhà kiên cố trên đất không ai phản đối và ngăn cản. Do gia đình lo làm ăn nên không nghe ai nói việc phải đăng ký và kê khai nên gia đình không có đi kê khai, đăng ký. Nay NLQ8 không đồng ý trả tiền giá trị quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn, NLQ8 yêu cầu công nhận cho vợ chồng NLQ8 tiếp tục sử dụng. Đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/10/2014 ông Lê Thanh B đại diện theo ủy quyền của NLQ11 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L với 13 hộ có tổng diện tích chung 4.440m², thuộc các thửa 654, 656 tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó có hộ ông Võ Quang T) do bà Lâm Thị Đ kê khai đăng ký vào ngày 25/7/1994 đã được Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã H xét cấp và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Việc bị đơn đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lâm Thị Đ là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2014/DSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Giang Minh C yêu cầu hộ gia đình ông Võ Quang T hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 89,4m², thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 có trách nhiệm hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L bằng: 17.880.000 đồng (giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý số tiền này theo quy định của pháp luật về quản lý di sản thừa kế).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Giao cho ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 được tiếp tục sử dụng diện tích 89,4m², thửa 656, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh;

- Hướng Đông giáp đường đất có số đo: 5,70m;
- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 1,80m;
- Hướng Nam giáp thửa 656 có 2 đoạn: 11,30m + 8,50m;
- Hướng Bắc giáp thửa 656 từ lộ đất vào có 04 đoạn: 12,30m + 2,10m + 6,50m + 1,80m.

Vị trí diện tích 89,4m², thửa 656 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ do chậm thi hành án, tiền án phí, lệ phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2014 ông Võ Quang T là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu công nhận diện tích đất 89,4m², thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Võ Quang T và ông không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đại diện cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bào chữa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Diện tích đất 89,4m², thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của bà Huỳnh Thị T. Sau khi bà Huỳnh Thị T chết bà Lâm Thị Đ đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn lấn chiếm cất nhà ở nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của vị luật sư bào chữa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Diện tích đất 89,4m², thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, do gia đình bên bị đơn sử dụng từ năm 1953 cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận cho bà Lâm Thị Đ là không đúng. Khi cấp giấy Cơ quan chuyên môn không kiểm tra hiện trạng sử dụng chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất mà không xem xét đến những hộ ở trên đất xem họ có đồng ý không. Theo báo cáo số 236 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của ông Võ Quang T xin được công nhận quyền sử dụng diện tích đất 89,4m², thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T là có cơ sở để chấp nhận. Theo tư liệu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ là không đúng thủ tục, không đúng đối tượng. Ông Võ Quang T là người sử dụng đất ổn định lâu dài, phía bên nguyên đơn không sử dụng phần đất này. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Võ Quang T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Quang T. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng. Xét đơn kháng cáo của ông Võ Quang T là trong hạn luật định nên chấp nhận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm NLQ10 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chết nên Tòa án đưa ông Ngô Tông L và Ngô Phước L là người thừa kế của NLQ10 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ10.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Quang T; Nhận thấy diện tích 89,4m² đang tranh chấp nằm một phần trong diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Năm 1953 bà Lý Thị S về cất nhà ở. Sau khi bà Lý Thị S chết để lại cho con là Thái Thị Đ sử dụng. Năm 1996 ông Võ Quang T, bà Thái Thị Đ cất nhà khác để lại nhà và đất cho em ruột là NLQ8 ở cho đến nay. Theo tư liệu đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 ông Nguyễn Văn C đăng ký thửa 615, diện tích 1.200m²; Thửa 616, diện tích 2.800m². Tư liệu năm 1991 bà Lâm Thị Đ đăng ký thửa số 654, diện tích 1.320m²; Thửa số 656 diện tích 3.120m².

Theo quy định tại khoản 1, mục IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ quy định về đăng ký và thống kê đất: “*Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình đang sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này*”.

Theo quy định của Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: “*Người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ bộ địa chính*”.

Qua hai lần kê khai đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã H không kiểm tra lại thực tế việc kê khai đăng ký của ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ. Việc kê khai này chưa đúng quy định. Ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ không trực tiếp sử dụng đất mà đất do các hộ sử dụng trong đó có gia đình của ông Võ Quang T sử dụng phần đất trên từ năm 1953.

Theo hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ thì chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/7/1994. Theo tư liệu đăng ký đất năm 1983 thể hiện ông Nguyễn Văn C đăng ký kê khai thửa số 616, diện tích 2.800m²; Thửa số 615, diện tích 1.200m² ông Nguyễn Văn C chết các thừa kế của ông Nguyễn Văn C không có ủy quyền cho bà Lâm Thị Đ đăng ký kê khai thửa đất trên, gia đình của ông Võ Quang T cũng đang ở trong thửa đất này cũng không có văn bản đồng ý cho bà Lâm Thị Đ đăng ký quyền sử dụng thửa đất này. Như vậy việc cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.120m², thửa 656 cho hộ bà Lâm Thị Đ là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993.

Theo báo cáo số 236/BC-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xác định Ủy ban nhân dân huyện T xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị Đ là không đúng trình tự thủ tục và không đúng chủ thể.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Quang T, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên, luật sư bào chữa cho bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận yêu cầu của ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 89,4m² nằm trong diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 quản lý sử dụng. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 89,4m² trong diện tích 3.1320m², thửa 656, tờ bản đồ số 4 mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

[3]. Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Quang T.

Sửa bản án sơ thẩm số 12/2014/DS-ST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L khởi kiện đòi ông Võ Quang T trả diện tích 89,4m² nằm trong diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, mà NLQ8 và NLQ9 đang sử dụng.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 89,4m² nằm trong diện tích 3.120m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

3. Công nhận cho ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 được tiếp tục sử dụng diện tích 89,4m², thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Có sổ đo các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đường đất có số đo: 5,70m;
- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 1,80m;
- Hướng Nam giáp thửa 656 có 2 đoạn: 11,30m + 8,50m;
- Hướng Bắc giáp thửa 656 từ lộ đất vào có 04 đoạn: 12,30m + 2,10m + 6,50m + 1,80m.

Vị trí diện tích 89,4m², thửa 656 được xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Ông Võ Quang T, NLQ8 và NLQ9 có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005077 ngày 07/5/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên cần trừ. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Võ Quang T theo biên lai thu số 0006908 ngày 12/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về lệ phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 866.070 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng đủ nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung